

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 23/2018/DS-ST
Ngày 18/9/2018
Về việc “Tranh chấp dân sự
hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hiếu Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm.
2. Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, mở phiên tòa xét xử công khai vụ kiện dân sự đã thụ lý số 98/2018/TLST-DS ngày 21/6/2018, về việc “*Tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXX-DS, ngày 14/8/2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Tổ 14, k2, thị trấn T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

* *Bị đơn:* Bà Néang Kim S, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khom 4, thị trấn T, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

* *Người phiên dịch:* Ông Châu Sóc Siên – Chuyên viên Trợ giúp pháp lý huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

(Nguyên đơn có mặt, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc C trình bày: Vào ngày 09/03/2018 có cho bà Néang Kim S vay số tiền là 35.500.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng), thời hạn vay là 03 tháng (tức ngày 09/6/2018 thì sẽ thanh toán dứt điểm) nhưng khi đến hạn thì có đến gặp bà S nhiều lần nhưng lại hứa cho thêm thời gian để trả và cho đến nay vẫn chưa trả được số tiền nào cả.

Nay yêu cầu bà Néang Kim S trả số tiền vốn là 35.500.000 đồng và lãi suất thì

tự nguyện không có yêu cầu.

Về phía bị đơn bà Néang Kim S trong quá trình tố tụng thì Tòa án đã nhiều lần triệu tập đến Tòa án để tham gia tố tụng và đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà Néang Kim S và được bà Néang Dươn là chị ruột bà Néang Kim S đều ký nhận cam kết giao lại cho bà S để xem có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà C nhưng vẫn không có mặt. Qua việc tổng đạt thủ tục tố tụng tại địa phương được biết bà Néang Kim S có hộ khẩu thường trú tại Số 24, đường Ngô Quyền, khóm 4, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Hiện tại hộ khẩu vẫn do địa phương quản lý. Vì vậy Tòa án đã tiến hành lập biên bản không hoà giải được và niêm yết các văn bản thủ tục tố tụng xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện và được thẩm tra, tranh luận công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc C làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Néang Kim S trả số tiền là 35.500.000 đồng. Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 36, Điều 184, Điều 185, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, nên Tòa án Nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, hiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện và xét xử trong trường hợp vắng mặt.

[2] Về nội dung: Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc C với bị đơn là bà Néang Kim S thực tế đã xảy ra. Tại hợp đồng cho vay tiền vào ngày 9/03/2018 có nội dung như sau: *“Tôi tên Néang Kim S, giấy chứng minh nhân dân số 35105394, cấp ngày 20 tháng 02 năm 2014 tại An Giang. Hiện cư trú tại số 24, đường Ngô Quyền, thị trấn Tri Tôn, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Vào ngày 9 tháng 03 năm 2018 có mượn tiền của bà Trần Thị Ngọc C, giấy chứng minh nhân dân số 351725381, cấp ngày 29/03/2004, hộ khẩu thường trú khóm 4, thị trấn Tri Tôn, với số tiền là 35.500.000 đồng (ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng), lãi suất thỏa thuận ..”*. Cuối tờ biên nhận do bà Trần Thị Ngọc C và bà Néang Kim S cùng ký tên và lãn tay vào tờ biên nhận nợ.

Trong quá trình tố tụng thì Tòa án đã nhiều lần ra văn bản tố tụng và tổng đạt cho bà Néang Kim S để ghi nhận ý kiến và đối chiếu khoản nợ nhưng bà Néang Kim S đều vắng mặt không có lý do cũng như không có văn bản hay ý kiến gì về việc nợ nên xem như hiện tại vẫn còn thiếu lại bà C số tiền là 35.500.000 đồng và lãi suất cho đến nay vẫn chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, hợp đồng vay tài sản giữa các bên được lập trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, được quy định tại các Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét thấy, hiện tại bà Néang Kim S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trần Thị Ngọc C nên cần buộc bà Néang Kim S phải có trách nhiệm trả số tiền vay là 35.500.000 đồng cho bà C ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về phần tiền lãi thì tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc C tự nguyện không có yêu cầu trả lãi suất chậm trả, đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử công nhận tự nguyện này nên không đề cập, xem xét.

[3] Về án phí: Do phía bị đơn là bà Néang Kim S bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật đối với số tiền là 35.500.000 đồng là 1.775.000 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Áp dụng các Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]- **Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc C.

Buộc bà Néang Kim S trả cho bà Trần Thị Ngọc C số tiền là 35.500.000 đồng (Ba mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

[2] **Về án phí Dân sự sơ thẩm:**

+ Bà Néang Kim S phải chịu số tiền là 1.775.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

+ Bà Trần Thị Ngọc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền 887.000 đồng tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp theo phiếu thu số TU/2015/001631, ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án tại trụ sở nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- TAND tỉnh An Giang.
- VKSND H. Tri Tôn.
- THADS H.Tri Tôn.
- Các đương sự (đề thi hành).
- Lưu.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hiếu Trung